

Bản án số: 93/2024/HS-ST
Ngày 25-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Bá Luận;

Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Ông Trần Thành Luyện.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Đỗ Thị C, sinh năm 1986 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Khắc K và bà Trần Thị N; bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/03/2023 cho đến nay, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị C:** Ông Nguyễn Huy T – Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: đường số F, KDC B, phường U, T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Bị hại:** Công ty TNHH T6 (Công ty T6); địa chỉ: số A đường C, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Hải S, sinh năm 1977, nơi cư trú: Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hứa Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: số A đường E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Phan Thị Kim H, sinh năm 1990; địa chỉ: số A đường C, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Đỗ Khắc K, sinh năm 1963;

3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Khắc K và bà Trần Thị N: bà Đỗ Thị N1, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH T6 (Công ty T6) hoạt động theo mã số doanh nghiệp: 3702694435 được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp đăng ký lần đầu ngày 20/8/2018, hoạt động ngành nghề: Bán buôn thuốc lá trong nước các loại tại địa chỉ: A đường C, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Hải S, sinh năm 1977, nơi thường trú: Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Công ty T6 có điểm kinh doanh số 01 – Công ty TNHH T6 tại địa chỉ: A đường B, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương hoạt động theo mã số địa điểm kinh doanh: 00001 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp đăng ký lần đầu ngày 29/9/2021. Người đứng đầu địa điểm kinh doanh: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1986, nơi thường trú: 43 thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông,

Căn cứ vào Quyết định về việc thành lập địa điểm kinh doanh số 01 ngày 15/9/2021 của Công ty T6 và Điều lệ của Công ty T6 ngày 15/6/2022 quy định: Người đứng đầu địa điểm kinh doanh được toàn quyền thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh tại địa điểm như: xuất, nhập, kiểm kê hàng hóa, mua bán hàng hóa, thanh toán tiền mua hàng, thu tiền bán hàng, tìm kiếm khách hàng, làm việc trực tiếp với khách hàng và liên hệ Ngân hàng cùng với cơ quan chức năng có thẩm quyền. Có trách nhiệm quản lý tất cả tài sản, giữ tiền thu được từ việc bán hàng cũng như thay mặt công ty thanh toán tiền cho khách hàng tại địa điểm kinh doanh và báo cáo Giám đốc, Tổng Giám đốc và chủ sở hữu theo quy định. Người đứng đầu địa điểm phải chịu trách nhiệm quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của địa điểm kinh doanh trước Giám đốc, Tổng giám đốc và chủ sở hữu của Công ty.

Đỗ Thị C là nhân viên tổng hợp của Công ty T6 từ tháng 8/2020 đến tháng 8/2021 với nhiệm vụ kiểm tra đối chiếu hàng hóa nhập vào và kiểm tra hàng hóa bán ra, thanh toán tiền mua hàng của Công ty và thu tiền bán hàng tại

trụ sở Công ty: 124 đường C, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đến tháng 9 năm 2021, Đỗ Thị C được phân công làm Cửa hàng trưởng và đứng tên pháp lý tại địa điểm kinh doanh số 1 của Công ty T6 nêu trên với nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Điều lệ của Công ty T6 ngày 15/6/2022. Tuy nhiên, việc ứng tiền và thanh toán các khoản công nợ, tiền hàng của Công ty T6 từ trước đến nay Công ty không thực hiện theo nguyên tắc kế toán mà giao cho Đỗ Thị C hàng ngày có trách nhiệm báo cáo với ông Trịnh Hải S – Giám đốc Công ty về các khoản cần thanh toán sau đó liên hệ bà Phạm Thị Kim H1 (vợ ông S) là người được ông S giao quản lý tiền mặt của Công ty để trực tiếp nhận tiền, thanh toán tiền mua hàng cho các khách hàng. Đỗ Thị C được giao nhiệm vụ: Kiểm kê hàng hóa để giao cho các tài xế của Công ty T6 giao hàng (thuốc lá) cho các đại lý, cửa hàng tạp hóa và nhận tiền mặt từ các đại lý, cửa hàng tạp hóa trên thông qua các tài xế giao lại, cuối ngày C tổng hợp số tiền thu về và giao lại cho bà H1.

Ngày 08/7/2023, C quen biết một đối tượng (không rõ lai lịch) trên mạng xã hội Facebook tên “Nguyễn Thanh P” nhắn tin làm quen, giới thiệu quản lý bán hàng trên trang web: www.tikixo.com người này giới thiệu có nhiều mã giảm giá mua hàng để hưởng số tiền từ các mã giảm giá trên. Trong thời gian từ ngày 08/7/2022 đến 31/7/2022, C được đối tượng trên chia sẻ đường link trang web và hướng dẫn cách tạo tài khoản mua hàng, liên kết với Ngân hàng, cho các mã giảm giá để mua sản phẩm và hướng dẫn cách nạp tiền, rút tiền để được hưởng chiết khấu ưu đãi theo mã giảm giá từ 10% đến 20%.

Ngày 31/7/2022, C được đối tượng trên cho mã giảm giá mua sản phẩm gồm: 01 laptop, 01 máy ảnh và hướng dẫn cách thức nạp tiền mua hàng bằng cách chuyển tiền vào số tài khoản cá nhân tên Nguyễn Đình T2, số: 0271023024018, mở tại Ngân hàng TMCP An Bình - Thành phố H – Chi nhánh Q và hướng dẫn cách thức rút tiền, khi đó C hưởng số tiền gốc và số tiền chiết khấu ưu đãi theo mã giảm giá như đối tượng giới thiệu, cụ thể: 01 laptop nạp 12.080.000 (mười hai triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng, C được rút 14.496.000 (mười bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn) đồng; 01 máy ảnh nạp 35.150.000 (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng, C được rút tiền 42.180.000 (bốn mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng. Sau đó đối tượng tiếp tục cho mã giảm giá 20% để mua hàng túi xách trị giá 542.000.000 (năm trăm bốn mươi hai triệu) đồng, tương đương số tiền để C mua được túi xách phải cần nạp là 490.000.000 (bốn trăm chín mươi nghìn) đồng và đề nghị C chuẩn bị số tiền trên để nạp mua sản phẩm trên.

Ngày 01/8/2022, sau khi đối chiếu công nợ của Công ty T6 có nợ đến hạn cần thanh toán cho 02 nhà cung cấp với tổng số tiền 559.750.000đ (năm trăm năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), cụ thể: số tiền 191.250.000đ (một trăm chín mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà Huỳnh Thị T3, địa chỉ: Đường T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và 368.500.000 (ba trăm sáu mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng cho Công ty

TNHH K1, địa chỉ: Khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Lợi dụng được quyền ứng tiền của Công ty từ trước đến nay, C đưa ra thông tin gian dối với bà H1 về số tiền cần thanh toán công nợ cho 02 khách hàng trên là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng để bà H1 tin tưởng giao và ký nhận số tiền trên, đồng thời C lấy thêm số tiền bán hàng 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng do tài xế Vương Hải T4 giao lại trong ngày.

Cùng ngày, C đến Ngân hàng B – Phòng G (địa chỉ: B đường T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương) nộp tiền mặt 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng vào tài khoản số 65110003044695 tên Đỗ Thị C với mục đích ban đầu là sử dụng 490.000.000 (bốn trăm chín mươi triệu) đồng mua túi xách giảm giá, số tiền còn lại để chuyển khoản thanh toán cho 02 khách hàng. Sau khi nộp tiền, C liên hệ đối tượng Facebook tên “Nguyễn Thanh P” để được hướng dẫn truy cập vào đường link: www.tikixo.com tài khoản của C để nạp tiền theo hình thức chuyển tiền online SmartBanking và hướng dẫn mua sản phẩm túi xách trị giá 542.000.000 (năm trăm bốn mươi hai triệu) đồng; sau khi chuyển 490.000.000 (bốn trăm chín mươi triệu) đồng vào tài khoản Nguyễn Đình T2, thực hiện thao tác chọn sản phẩm nhưng không thực hiện được, khi trao đổi với đối tượng “Phong” thì được cho biết do việc nạp tiền chậm nên các khách hàng khác mua trước và đề nghị nạp lại số tiền tương đương hoặc cao hơn để mua sản phẩm khác, nếu không thì số tiền ban đầu không thể rút và không được hưởng chiết khấu. Sau đó đối tượng này tiếp tục giới thiệu cho C mua 01 túi xách khác trị giá 980.000.000 (chín trăm tám mươi triệu) đồng và đề nghị C nạp thêm 490.000.000 (bốn trăm chín mươi triệu) đồng. Do sợ bị mất tiền nên C nạp thêm 490.000.000 (bốn trăm chín mươi triệu) đồng và 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng nhưng kết quả vẫn không mua được và đối tượng này nói lý do C chậm tay người khác đã mua trước, đối tượng trên tiếp tục đề nghị C mua 01 sản phẩm khác là 01 đồng hồ trị giá 2.147.000.000 (hai tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu) đồng.

Do không còn tiền để nạp mua sản phẩm, C tiếp tục lấy 100.000.000 (một trăm triệu) đồng từ 98.750.000 (chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng của tài xế Vương Hải T4 giao trước đó và 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng từ số tiền bán hàng do tài xế Nguyễn Văn T5 giao lại cho C quản lý. Số tiền trên được C nộp vào tài khoản cá nhân để chuyển cho tài khoản Nguyễn Đình T2 để tiếp tục mua sản phẩm. Sau đó C tiếp tục đưa thông tin gian dối với bà H1 về việc 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng ứng lần trước đó đã bỏ trong két sắt tại địa điểm kinh doanh nhưng do bị hỏng cục pin nên không thể thanh toán tiền cho khách hàng và đề nghị được ứng tiếp 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng để thanh toán cho khách hàng và được bà H1 đồng ý, C ký nhận số tiền trên. Sau khi nhận được tiền, C tiếp tục chuyển khoản vào tài khoản mang tên Nguyễn Đình T2 khi đó đối tượng mang tên “Nguyễn Thanh P” nói số tiền chưa đủ để mua sản phẩm.

Cuối ngày 01/8/2022, C tiếp tục mượn tiền từ gia đình và các cá nhân khác khoảng 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng để tiếp tục nạp vào tài khoản để mua đồng hồ nhưng kết quả không mua được cũng như không rút được tiền. Lúc

này, C điện thoại cho ông Trịnh Hải S mượn tiền để giải quyết công việc cá nhân, do nghi ngờ vụ việc bất thường nên ông S đã gặp C và được C trình bày lại sự việc gian dối với bà H1 để chiếm đoạt 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và lợi dụng trách nhiệm trực tiếp quản lý 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng của Công ty để sử dụng vào mục đích cá nhân là mua hàng có mã giảm giá để nhận chiết khấu nhưng bị đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vật chứng, tài liệu thu giữ:

- Hồ sơ mở tài khoản, bản sao kê số tài khoản 6511000304469, tên tài khoản Đỗ Thị C mở tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N2.

- Hồ sơ mở tài khoản, sao kê ngân hàng số tài khoản 0271023024018, tên tài khoản Nguyễn Đình T2 tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Thành phố H – Phòng G1 thể hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan vụ án.

- Theo biên bản tạm giữ vào 16 giờ 30 ngày 13 tháng 10 năm 2022 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiến hành: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (của Đỗ Thị C).

Căn cứ Biên bản trích xuất dữ liệu điện tử số 453/PC09 ngày 28/11/2022 của Phòng K2 trích xuất: 5224 tin nhắn trong ứng dụng Facebook Messenger, các tin nhắn đi và đến trên được Đỗ Thị C khai nhận là tin nhắn trao đổi, hướng dẫn mua hàng giảm giá, hướng dẫn chuyển tiền giữa Đỗ Thị C và người sử dụng tên tài khoản “Nguyễn Thanh P” từ ngày 07/8/2022 – 28/8/2022, trong đó có tin nhắn trao đổi việc mua hàng diễn ra vào ngày 01/8/2022.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 517/KL-KTHS(TL) ngày 06/01/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B như sau: Chữ ký mang tên Đỗ Thị C tên tài liệu: 01 tờ giấy viết tay có dòng chữ viết “1/8, 900.000.000đ, 600.000.000đ, đã nhận đủ tiền”; 01 (một) đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cá nhân mang tên Đỗ Thị C đề ngày 01/3/2021; 01 (một) đề nghị thay đổi, bổ sung thông tin mang tên Đỗ Thị C đề ngày 26/4/2022, 01 (một) bảng tường trình ngày 01/8/2022 so với chữ ký của Đỗ Thị C trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Về trách nhiệm dân sự:

Đỗ Thị C và gia đình đã khắc phục trả lại cho Công ty T6 1.220.000.000 (một tỷ hai trăm hai mươi triệu) đồng, trong đó: 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trước khi Công ty T6 nộp đơn tố giác; quá trình điều tra, gia đình Đỗ Thị C khắc phục trả lại 920.000.000 (chín trăm hai mươi triệu) đồng, bao gồm: 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng tiền chuyển khoản khắc phục ngày 06/12/2022, 17/01/2023 và gia đình C bán 01 thửa đất diện tích khoảng 8.000m² tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho ông Trịnh Hải S trị giá 880.000.000 (tám trăm tám mươi triệu) đồng. Đối với số tiền thiệt hại còn lại, đại diện bị hại Công ty T6 là ông Trịnh Hải S không yêu cầu khắc phục thêm.

Cáo trạng số 82/CT-VKSBD-P1 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đỗ Thị C về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Tham ô tài sản”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày lời luận tội trong đó vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng truy tố bị cáo Đỗ Thị C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Tham ô tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bản thân bị cáo Đỗ Thị C nhận thức việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác và tham ô tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để hôm nay bị cáo phải chịu sự phán xét của pháp luật.

Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 1.500.000.000 đồng và hành vi tham ô tài sản với số tiền 250.000.000 đồng của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không những gây ảnh hưởng xấu đến người bị hại, ảnh hưởng đến trật tự quản lý chức vụ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Vì mong muốn có tiền để giải quyết nhu cầu cá nhân bị cáo gian dối bất chấp thủ đoạn chiếm đoạt tài sản của bị hại và tham ô tài sản của công ty. Bị cáo thực hiện hành vi tích cực, không suy xét, nghĩ là làm, không nghĩ đến ảnh hưởng xấu từ hành vi của bị cáo đến chính bản thân bị cáo, đến bị hại, ảnh hưởng xấu đến gia đình và xã hội; tuy nhiên, sau khi bị phát hiện, bị bắt tạm giam để điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo và gia đình khắc phục hoàn toàn hậu quả, gia đình có hoàn cảnh khó khăn và được bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ; nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào mức án cho bị cáo để bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật đối với những người biết ăn năn hối cải từ đó nỗ lực cải tạo để sớm được hoà nhập với cuộc sống cộng đồng.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đỗ Thị C hình phạt từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Đỗ Thị C phải chấp hình phạt chung cho cả 02 tội là từ 11 (mười một) đến 13 (mười ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất về tội danh, điều khoản mà Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Đỗ Thị C; bị cáo không được đào tạo, không có nghiệp vụ quản lý tài chính, quản lý kinh tế; bị hại cũng không thực hiện theo nguyên tắc kế toán; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, mục đích của bị cáo là mượn số tiền của Công ty mua hàng qua mạng để nhằm mục đích hưởng chiết khấu chênh lệch và hoàn lại tiền cho Công ty. Tuy nhiên do nhẹ dạ cả tin nên bị cáo trở thành nạn nhân của kẻ lừa đảo và mất khả năng hoàn lại tiền cho Công ty; theo cáo buộc của Viện kiểm sát thì bị cáo có tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên”

theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; luật sư không đồng ý vì phạm tội 02 lần trở lên là thực hiện một tội phạm mà trước đó chủ thể đã phạm tội đó ít nhất là một lần và chưa bị xét xử; đây là trường hợp một người đã phạm ít nhất 02 lần về cùng một tội phạm (cùng một tội danh) và cả hai lần đó đều chưa bị xét xử, trong vụ án này bị cáo C đã bị truy tố về 02 tội khác nhau. Do đó, việc cáo buộc bị cáo có tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” là không đúng, gây bất lợi cho bị cáo; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như: bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; kính mong Hội đồng xét xử xem xét tuyên phạt bị cáo một mức án hợp lý để bị cáo sớm được trở về đoàn tụ với gia đình và hòa nhập với xã hội.

Bị cáo thống nhất với phần trình bày của người bào chữa, bị cáo không tham gia tranh luận gì thêm;

Trong lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm được đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Thị C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Đỗ Thị C được phân công làm Cửa hàng trưởng và đứng tên pháp lý tại địa điểm Kinh doanh số 1 của Công ty T6, do có nhu cầu sử dụng tiền vào mục đích cá nhân, lợi dụng nhiệm vụ được phân công trong hoạt động kinh doanh của Công ty, ngày 01/8/2022, bị cáo Đỗ Thị C đã đưa ra thông tin gian dối với bà Phạm Thị Kim H1 (thủ quỹ) về số tiền cần thanh toán công nợ cho đối tác kinh doanh để bà H1 tin tưởng giao tiền cho C quản lý, sử dụng 02 lần tiền với tổng số là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng; đồng thời C lấy số tiền bán hàng do Cương trực tiếp quản lý 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, để sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đỗ Thị C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình

sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; đã tự nguyện bồi thường và tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả toàn bộ hậu quả theo thỏa thuận của bị hại; bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của pháp nhân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức án cho phù hợp. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ dưới mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối với đối tượng tự xưng tên Nguyễn Thanh P Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với Đỗ Thị C; vụ việc trên đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (PC02) khởi tố vụ án hình sự để điều tra xử lý sau là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Đỗ Thị C, xét thấy điện thoại không sử dụng trong việc phạm tội nên trả lại cho Đỗ Thị C.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, điều luật là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử sẽ xử phạt bị cáo mức án dưới mức hình phạt mà đại diện nhân dân tỉnh B đã đề nghị.

[9] Ý kiến trình bày của người bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ là có cơ sở chấp nhận; ý kiến về xác định tình tiết phạm tội nhiều lần là không đúng với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: đã thực hiện xong nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Đỗ Thị C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội “Tham ô tài sản”

2. Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 353, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38,

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh BD;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đỗ Thị C 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (ba) năm tù về “Tham ô tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Đỗ Thị C phải chấp hành phạt chung cho cả 02 tội là 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/03/2023.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên trả lại cho Đỗ Thị C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus (không kiểm tra tình trạng bên trong).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Đỗ Thị C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng (4);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: VT (2), hồ sơ vụ án, NMT, 23.

Trương Văn Lộc

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được giao đúng quy định của pháp luật.